



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**ÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kết quả công tác soát xét | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 13 - 47 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-4) 62690743
- Fax : (84-4) 62690741

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
- Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
- Xây dựng đường hầm;
- Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐTĐXH-GP ngày 9/11/2009);
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước.
(Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Phạm Minh Phúc | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Ông Kim Ngọc Nhân | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Bà Nguyễn Thị Loan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013 |
| Ông Đào Tiến Dương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Phạm Hồng Anh | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Bà Trương Thị Luyến | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Ông Phạm Văn Trọng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2014 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Kim Ngọc Nhân | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008 |
| Ông Dương Ngọc Trường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011 |
| Bà Đinh Thị Thủy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 |
| Ông Trần Văn Trung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Kim Ngọc Nhân
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 375/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 24 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1
Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 100 | | 177.970.685.990 | 204.292.004.253 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 34.781.216.960 | 55.032.397.239 |
| 1. | Tiền | 111 | | 10.747.860.210 | 28.306.193.386 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 24.033.356.750 | 26.726.203.853 |
| II. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 2.542.963.176 | 2.992.273.145 |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | - | 236.923.145 |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 2.542.963.176 | 2.755.350.000 |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 49.567.741.889 | 76.061.558.499 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 20.207.281.773 | 47.188.303.064 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 1.953.499.917 | 4.005.247.619 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | 2.895.744.000 |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 39.284.826.169 | 33.638.795.709 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (11.877.865.970) | (11.666.531.893) |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | | 77.628.757.898 | 61.978.086.865 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 77.628.757.898 | 61.978.086.865 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 13.450.006.067 | 8.227.688.505 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 2.458.826.690 | 2.954.606.289 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 10.907.808.277 | 5.115.610.091 |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 83.371.100 | 157.472.125 |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 75.011.854.122 | 61.128.055.114 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 41.145.841.643 | 27.258.952.517 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.3b | 40.009.444.152 | 27.050.855.026 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.877.564.490 | 949.264.490 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | (741.166.999) | (741.166.999) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 16.823.150.859 | 18.494.969.518 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 16.638.132.273 | 18.299.478.184 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 47.995.450.726 | 46.395.285.998 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (31.357.318.453) | (28.095.807.814) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 185.018.586 | 195.491.334 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 247.455.000 | 247.455.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (62.436.414) | (51.963.666) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 11.770.388.978 | 11.740.268.807 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 11.770.388.978 | 11.740.268.807 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2.528.554.420 | 3.528.554.420 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2b | 2.528.554.420 | 3.528.554.420 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.743.918.222 | 105.309.852 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 2.626.318.222 | 105.309.852 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 117.600.000 | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 252.982.540.112 | 265.420.059.367 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 130.559.609.486 | 155.557.374.996 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 111.527.770.677 | 144.448.052.562 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12a | 19.727.261.662 | 34.300.937.147 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 21.352.020.487 | 39.012.988.348 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 10.476.045.563 | 9.135.806.777 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 5.903.940.786 | 8.147.727.541 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 191.516.359 | 4.270.303.804 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16a | 36.818.182 | 545.493.632 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 11.900.567.739 | 11.589.049.655 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 40.616.348.587 | 36.122.494.346 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 1.323.251.312 | 1.323.251.312 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 19.031.838.809 | 11.109.322.434 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.12b | 13.964.650.239 | 8.402.335.864 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.16b | 2.472.702.000 | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 12.621.600 | 125.121.600 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 2.581.864.970 | 2.581.864.970 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 122.422.930.626 | 109.862.684.371 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 122.422.930.626 | 109.862.684.371 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20 | 91.999.880.000 | 80.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 91.999.880.000 | 80.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20 | 3.972.746.872 | 3.167.148.677 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20 | 23.807.727.737 | 24.053.155.672 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 10.989.361.482 | 24.053.155.672 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 12.818.366.255 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.21 | 2.642.576.017 | 2.642.380.022 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 252.982.540.112 | 265.420.059.367 |

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 170.656.824.325 | 187.294.545.488 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 170.656.824.325 | 187.294.545.488 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 134.560.517.536 | 163.041.410.109 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 36.096.306.789 | 24.253.135.379 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 858.377.672 | 800.372.879 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.543.688.721 | 2.798.383.849 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.275.014.757 | 2.615.792.930 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 8.359.743.392 | 4.326.506.188 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 8.879.026.613 | 11.861.232.373 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 18.172.225.735 | 6.067.385.848 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 12.045.266.649 | 1.045.550.695 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 11.819.451.163 | 392.191.294 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 225.815.486 | 653.359.401 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 18.398.041.221 | 6.720.745.249 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 5.697.274.966 | 1.444.901.580 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | (117.600.000) | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>12.818.366.255</u> | <u>5.275.843.669</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>12.818.366.255</u> | <u>5.275.843.669</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a | <u>1.393</u> | <u>685</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a | <u>1.393</u> | <u>685</u> |

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy



Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lưu kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lưu kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 18.398.041.221 | 6.720.745.249 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9,10 | 3.430.020.677 | 4.745.189.044 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | VI.5 | 211.334.077 | 4.188.009.948 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | 84.704.234 | 28.070.221 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (237.828.755) | (623.316.778) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 1.275.014.757 | 2.615.792.930 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 23.161.286.211 | 17.674.490.614 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 7.563.034.653 | 2.390.643.649 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (15.650.671.033) | (15.029.971.858) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (34.193.755.086) | 11.474.925.701 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (2.025.228.771) | 2.090.189.957 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 236.923.145 | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.409.296.845) | (2.834.488.735) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (2.229.570.475) | (5.927.750.939) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 11.068.646.810 | 3.310.647.669 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (10.740.293.176) | (3.281.796.245) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (24.218.924.567) | 9.866.889.813 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9,11 | (2.453.847.444) | (1.301.845.372) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 223.636.364 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (3.590.000.000) | (5.043.744.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 4.802.386.824 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 679.717.646 | 623.316.778 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (338.106.610) | (5.722.272.594) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|----------------------|-----------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 30.000.000.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18 | 56.905.528.177 | 61.465.346.811 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18 | (52.603.471.403) | (63.077.173.492) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (7.505.568.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>4.302.056.774</i> | <i>20.882.605.319</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (20.254.974.403) | 25.027.222.538 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 55.032.397.239 | 18.399.828.721 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 3.794.124 | (285.960) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 34.781.216.960 | 43.426.765.299 |

Lập, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thương mại, xây dựng và cung ứng nhân lực

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|---|----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội | Thương mại | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH CM Xây dựng (*) | Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội | Xây lắp và Thương mại | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*) | Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. | Xây lắp và Thương mại | 79,62% | 78,44% | 79,62% | 78,44% |

(*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 253 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 163 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Lào Việt (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} + \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn là chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 4 – 6 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Nhận diện thương hiệu

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuê mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.745.286.831 | 2.560.501.731 |
| Tiền gửi ngân hàng | 8.877.573.379 | 19.330.170.285 |
| Tiền đang chuyển | 125.000.000 | 6.415.521.370 |
| Các khoản tương đương tiền | 24.033.356.750 | 26.726.203.853 |
| <i>(Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)</i> | | |
| Cộng | <u>34.781.216.960</u> | <u>55.032.397.239</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuê 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--------------------------------------|------------|----------------|----------|--------------------|--------------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | - | - | - | 236.923.145 | 236.923.145 | - |
| Công ty cổ phần CMISTONE Việt Nam | - | - | - | 236.923.145 | 236.923.145 | - |
| Cộng | - | - | - | 236.923.145 | 236.923.145 | - |

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 2.542.963.176 | 2.542.963.176 | 2.755.350.000 | 2.755.350.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng | 2.542.963.176 | 2.542.963.176 | 2.755.350.000 | 2.755.350.000 |
| Dài hạn | 2.528.554.420 | 2.528.554.420 | 3.528.554.420 | 3.528.554.420 |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng | 2.528.554.420 | 2.528.554.420 | 3.528.554.420 | 3.528.554.420 |
| Cộng | 5.071.517.596 | 5.071.517.596 | 6.283.904.420 | 6.283.904.420 |

3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 20.207.281.773 | 47.188.303.064 |
| SK Engineering and Construction Co.,Ltd | 6.221.407.939 | 10.013.241.616 |
| Ban Quản lý Dự án nhà máy Alumina Nhân cơ - Vinacomin | 6.013.958.578 | - |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4 | 3.245.000 | 7.210.896.000 |
| Công ty Cổ phần Than điện Nông Sơn Vinacomin | - | 6.581.077.539 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp – Môi trường Nhân Cơ - TKV | - | 6.023.140.192 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505 | 3.676.048.710 | 6.779.104.876 |
| Các khách hàng khác | 4.292.621.546 | 10.580.842.841 |
| Cộng | 20.207.281.773 | 47.188.303.064 |

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 40.009.444.152 | 27.050.855.026 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | 15.912.736.234 | 15.912.736.234 |
| Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4 | 6.987.356.000 | 3.987.356.000 |
| SK Engineering and Construction Co.,Ltd | 8.085.795.115 | 1.813.372.083 |
| Các khách hàng khác | 9.023.556.803 | 5.337.390.709 |
| Cộng | 40.009.444.152 | 27.050.855.026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 1.953.499.917 | 4.005.247.619 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát | 831.674.428 | 831.674.428 |
| Doanh nghiệp tư nhân Song Nguyên | - | 600.000.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Trường Thịnh Đăk Nông | 526.084.610 | 399.999.900 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp tiêu thụ | - | 572.762.100 |
| Các nhà cung cấp khác | 595.740.879 | 1.600.811.191 |
| Cộng | 1.953.499.917 | 4.005.247.619 |

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 200.000.000 | - | 457.611.144 | - |
| Phải thu về tiền thù lao HĐQT và BKS tạm trả | - | - | 256.188.710 | - |
| Cho bà Đinh Thị Thủy vay không tính lãi | - | - | 201.422.434 | - |
| Cho Bà Nguyễn Thị Loan vay không tính lãi | 200.000.000 | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 39.084.826.169 | 10.770.024.871 | 33.181.184.565 | 10.770.024.870 |
| Phải thu về lãi tiền gửi | 281.138.480 | - | 255.266.233 | - |
| Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài Nguyên | 21.540.049.741 | 10.770.024.871 | 21.540.049.741 | 10.770.024.870 |
| Tạm ứng | 9.957.166.443 | - | 1.776.400.433 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.344.375.094 | - | 1.487.014.638 | - |
| Phải thu về cho vay không tính lãi | 60.000.000 | - | 442.013.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 5.902.096.411 | - | 7.680.440.520 | - |
| Cộng | 39.284.826.169 | 10.770.024.871 | 33.638.795.709 | 10.770.024.870 |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.877.564.490 | - | 949.264.490 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 1.877.564.490 | - | 949.264.490 | - |
| Cộng | 1.877.564.490 | - | 949.264.490 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| 6. Nợ xấu | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| <i>Các bên liên quan</i> | | | | |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa | - | 24.337.269.014 | - | 24.287.269.014 |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | Quá hạn trên 3 năm | 62.500.000 | Quá hạn trên 3 năm | 62.500.000 |
| Công ty Cổ phần Anh Cao | | 55.850.000 | | 55.850.000 |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | Quá hạn trên 3 năm | | Quá hạn trên 3 năm | |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ Tầng | | 28.000.000 | | 28.000.000 |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | Quá hạn trên 3 năm | | Quá hạn trên 3 năm | |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm | | 1.896.422.348 | | 1.896.422.348 |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | | Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | |
| Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài nguyên | | 21.540.049.741 | | 21.540.049.741 |
| <i>Phải thu tiền cho vay và vật tư</i> | Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | | Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy Điện | | 704.446.925 | | 704.446.925 |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | Quá hạn trên 3 năm | | Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | Quá hạn trên 3 năm | 50.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | 50.000.000 |
| Cộng | | 24.337.269.014 | | 24.337.269.014 |
| | | 11.718.236.045 | | 11.929.570.122 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu ngắn hạn | Nợ phải thu dài hạn | Cộng |
|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 11.666.531.893 | 741.166.999 | 12.407.698.892 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 211.334.077 | - | 211.334.077 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 11.877.865.970 | 741.166.999 | 12.619.032.969 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 6.399.501.932 | - | 7.247.839.529 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 71.113.050.522 | - | 54.553.881.488 | - |
| Hàng hóa | 116.205.444 | - | 176.365.848 | - |
| Cộng | 77.628.757.898 | - | 61.978.086.865 | - |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất sử dụng | 2.028.639.695 | 2.647.179.840 |
| Chi phí sửa chữa | 206.737.285 | 32.129.999 |
| Chi phí bảo hiểm | 60.767.578 | 24.058.864 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 162.682.133 | 251.237.586 |
| Cộng | 2.458.826.690 | 2.954.606.289 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất sử dụng | 2.584.318.222 | 12.178.204 |
| Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng trên 12 tháng | - | 93.131.648 |
| Cộng | 2.626.318.222 | 105.309.852 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 33.151.553.346 | 11.783.332.151 | 411.908.848 | 1.048.491.653 | 46.395.285.998 |
| Mua trong kỳ | 2.423.727.273 | - | - | - | 2.423.727.273 |
| Thanh lý, nhượng bán | (745.454.545) | - | (78.108.000) | - | (823.562.545) |
| Số cuối kỳ | 34.829.826.074 | 11.783.332.151 | 333.800.848 | 1.048.491.653 | 47.995.450.726 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 4.764.782.892 | 1.474.396.875 | 259.654.303 | 1.048.491.653 | 7.547.325.723 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 19.903.778.997 | 6.796.176.889 | 347.360.275 | 1.048.491.653 | 28.095.807.814 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.588.930.115 | 793.138.717 | 37.479.097 | - | 3.419.547.929 |
| Thanh lý, nhượng bán | (79.929.290) | - | (78.108.000) | - | (158.037.290) |
| Số cuối kỳ | 22.412.779.822 | 7.589.315.606 | 306.731.372 | 1.048.491.653 | 31.357.318.453 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 13.247.774.349 | 4.987.155.262 | 64.548.573 | - | 18.299.478.184 |
| Số cuối kỳ | 12.417.046.252 | 4.194.016.545 | 27.069.476 | - | 16.638.132.273 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.845.563.262VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Liên Việt.

10. Tài sản cố định vô hình

| | Nhận diện thương hiệu | Chương trình phần mềm | Cộng |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 209.455.000 | 38.000.000 | 247.455.000 |
| Số cuối kỳ | 209.455.000 | 38.000.000 | 247.455.000 |
| <i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 38.000.000 | 38.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 13.963.666 | 38.000.000 | 51.963.666 |
| Khấu hao trong kỳ | 10.472.748 | - | 10.472.748 |
| Số cuối kỳ | 24.436.414 | 38.000.000 | 62.436.414 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 195.491.334 | - | 195.491.334 |
| Số cuối kỳ | 185.018.586 | - | 185.018.586 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|-----------------------|----------------------------|---|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 11.740.268.807 | 30.120.171 | - | 11.770.388.978 |
| <i>Công trình Trung tâm Thương mại Kinh Môn</i> | <i>11.740.268.807</i> | <i>30.120.171</i> | - | <i>11.770.388.978</i> |
| Cộng | 11.740.268.807 | 30.120.171 | - | 11.770.388.978 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>19.727.261.662</i> | <i>34.300.937.147</i> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hảo | 807.560.773 | 8.080.414.058 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505 | - | 3.899.458.263 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Á Châu | - | 1.468.600.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 18.919.700.889 | 20.852.464.826 |
| Cộng | 19.727.261.662 | 34.300.937.147 |

12b. Phải trả người bán dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>13.964.650.239</i> | <i>8.402.335.864</i> |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505 | 2.979.182.278 | 2.979.182.278 |
| Công ty TNHH Hòa Hiệp | 2.401.825.000 | 2.401.825.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hảo | 6.913.757.595 | 1.971.479.433 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.669.885.366 | 1.049.849.153 |
| Cộng | 13.964.650.239 | 8.402.335.864 |

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>21.352.020.487</i> | <i>39.012.988.348</i> |
| SK Engineering and Construction Co.,Ltd | 8.791.431.118 | 13.146.677.108 |
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | - | 11.424.285.000 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ - TKV | 3.575.495.090 | 9.598.635.282 |
| Ban quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang | 1.500.000.000 | 2.900.000.000 |
| Công ty Xi măng Nghi Sơn | 1.119.495.384 | - |
| Duglas Alliance | 2.150.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin | 2.272.768.040 | - |
| Các khách hàng khác | 1.942.830.855 | 1.943.390.958 |
| Cộng | 21.352.020.487 | 39.012.988.348 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|---|----------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.129.722.371 | - | 5.784.106.189 | (7.521.477.289) | 1.475.722.371 | (83.371.100) |
| Thuế nhập khẩu | - | - | 6.509.230 | (6.509.230) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở trong nước | 2.232.826.514 | (157.472.125) | 3.383.279.913 | (2.229.570.475) | 3.229.063.827 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài | 1.338.854.098 | - | 2.313.995.053 | - | 3.652.849.151 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.241.455.602 | - | 185.702.247 | (2.336.191.279) | 90.966.570 | - |
| Các loại thuế khác | 133.026.215 | - | 6.000.000 | (135.801.569) | 3.224.646 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 59.921.977 | - | 1.964.297.021 | - | 2.024.218.998 | - |
| Cộng | 9.135.806.777 | (157.472.125) | 13.643.889.653 | (12.229.549.842) | 10.476.045.563 | (83.371.100) |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 18.398.041.221 | 6.720.745.249 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 3.071.441.228 | (28.070.221) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 3.182.263.605 | - |
| Chi phí khấu hao xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ | 228.278.956 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh | 412.813.003 | - |
| Các khoản tiền phạt | 2.006.626.192 | - |
| Chênh lệch tạm thời trên BCTC hợp nhất do loại trừ TSCĐ mua bán nội bộ | 534.545.454 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (110.822.377) | (28.070.221) |
| Chênh lệch lãi lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền, các khoản phải thu | (110.822.377) | (28.070.221) |
| Thu nhập chịu thuế | 21.469.482.449 | 6.692.675.028 |
| Lãi các năm trước được chuyển | | (119.676.406) |
| Thu nhập tính thuế | 21.469.482.449 | 6.572.998.622 |
| Trong đó: | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Thu nhập từ hoạt động ở nước ngoài</i> | 10.518.159.331 | 827.145.020 |
| <i>Thu nhập từ hoạt động ở trong nước</i> | 10.951.323.118 | 5.745.853.602 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 4.723.286.139 | 1.446.059.697 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở nước ngoài</i> | 2.313.995.053 | 181.971.904 |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở trong nước</i> | 2.409.291.086 | 1.264.087.792 |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i> | - | (1.158.117) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 4.723.286.139 | 1.444.901.580 |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | 973.988.827 | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 5.697.274.966 | 1.444.901.580 |

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 191.516.359 | 4.270.303.804 |
| Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành | - | 1.439.035.866 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 111.516.359 | 245.798.447 |
| Phí quản lý dự án | - | 2.505.469.491 |
| Chi phí phải trả khác | 80.000.000 | 80.000.000 |
| Cộng | 191.516.359 | 4.270.303.804 |

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn

16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------|--------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i> | 36.818.182 | 545.493.632 |
| Doanh thu cho thuê nhà | 36.818.182 | 36.818.182 |
| Doanh thu bán hàng hóa đã xuất hóa đơn nhưng chưa bàn giao hàng | - | 508.675.450 |
| Cộng | 36.818.182 | 545.493.632 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|-------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i> | 2.472.702.000 | - |
| Doanh thu nhận trước Dự án Sendji | 2.472.702.000 | - |
| Cộng | 2.472.702.000 | - |

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 64.557.731 | 64.557.731 |
| Bà Nguyễn Thị Loan - Phải trả các khoản chi hộ | 64.557.731 | 64.557.731 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 11.835.890.008 | 11.524.491.924 |
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, thất nghiệp | 506.370.004 | 1.750.410.407 |
| Kinh phí công đoàn | 425.935.238 | 359.878.106 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.706.414.090 | 479.900.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát | 1.120.314.660 | 1.120.314.660 |
| Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng | 5.111.827.647 | 5.111.827.647 |
| Công ty SK Engineering and Construction | 1.228.587.281 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân phải trả | 286.174.160 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.450.386.928 | 2.702.161.104 |
| Cộng | 11.900.567.739 | 11.589.049.655 |

17b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 12.621.600 | 125.121.600 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 12.621.600 | 125.121.600 |
| Cộng | 12.621.600 | 125.121.600 |

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-------------------|------------------------------|-------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 41.730.007.011 | 41.730.007.011 | 36.122.494.346 | 36.122.494.346 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 23.150.540.163 | 23.150.540.163 | | |
| Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình | - | - | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i) | 23.150.540.163 | 23.150.540.163 | 23.120.994.026 | 23.120.994.026 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 16.352.150.000 | 16.352.150.000 | | |
| <i>Vay Bà Nguyễn Thúy Dung (ii)</i> | <i>8.722.150.000</i> | <i>8.722.150.000</i> | - | - |
| <i>Vay Ông Nguyễn Hữu Mạnh (ii)</i> | <i>700.000.000</i> | <i>700.000.000</i> | 700.000.000 | 700.000.000 |
| <i>Vay Bà Ngô Thị Trang (ii)</i> | <i>6.930.000.000</i> | <i>6.930.000.000</i> | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b) | 2.227.316.848 | 2.227.316.848 | | |
| <i>Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình</i> | <i>1.778.832.000</i> | <i>1.778.832.000</i> | 1.778.832.000 | 1.778.832.000 |
| <i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt</i> | <i>448.484.848</i> | <i>448.484.848</i> | 448.484.848 | 448.484.848 |
| <i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên</i> | - | - | 1.074.183.472 | 1.074.183.472 |
| Cộng | 41.730.007.011 | 41.730.007.011 | 36.122.494.346 | 36.122.494.346 |

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký kết ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,2%, thời hạn vay 11 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Vay ngắn hạn ngân hàng | Vay ngắn hạn các cá nhân | Vay dài hạn đến hạn trả | Cộng |
|--|------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 32.120.994.026 | 700.000.000 | 3.301.500.320 | 36.122.494.346 |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 36.253.378.177 | 20.652.150.000 | - | 56.905.528.177 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | - | - | 1.113.658.424 | 1.113.658.424 |
| CLTG do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ | 191.797.467 | - | - | 191.797.467 |
| Số tiền vay đã trả trong kỳ | (45.415.629.507) | (5.000.000.000) | (2.187.841.896) | (52.603.471.403) |
| Số cuối kỳ | 23.150.540.163 | 16.352.150.000 | 2.227.316.848 | 41.730.007.011 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn phải trả các bên liên quan | - | - | - | - |
| Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 1.468.206.546 | 1.468.206.546 | 2.581.864.970 | 2.581.864.970 |
| Vay dài hạn ngân hàng | | | | |
| Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình (i) | 1.222.752.000 | 1.222.752.000 | 2.112.168.000 | 2.112.168.000 |
| Ngân hàng Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (ii) | 245.454.546 | 245.454.546 | 469.696.970 | 469.696.970 |
| Cộng | 1.468.206.546 | 1.468.206.546 | 2.581.864.970 | 2.581.864.970 |

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – PGD Mỹ Đình để mua xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L với lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 02 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để mua trạm trộn bê tông và máy cầu quy 50 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 2.227.316.848 | 3.301.500.320 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 1.468.206.546 | 2.581.864.970 |
| Cộng | 3.695.523.394 | 5.883.365.290 |

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Quỹ khen thưởng | Quỹ phúc lợi | Cộng |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 857.610.520 | 465.640.792 | 1.323.251.312 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | - | - | - |
| Chi quỹ trong kỳ | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 857.610.520 | 465.640.792 | 1.323.251.312 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 50.000.000.000 | 877.646.070 | 1.598.491.154 | 16.405.631.292 | 68.973.205.552 |
| Cổ đông góp vốn bằng tiền | 30.000.000.000 | - | - | - | 30.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong kỳ trích lập các quỹ trong kỳ | - | 599.574.417 | - | 5.275.843.669 | 5.275.843.669 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (839.404.183) | (239.829.766) |
| Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát | - | - | - | (7.500.000.000) | (7.500.000.000) |
| Giám khác | - | - | - | (124.366.667) | (124.366.667) |
| Giám khác | - | - | - | (63.800) | (63.800) |
| Số dư cuối kỳ trước | <u>80.000.000.000</u> | <u>1.477.220.487</u> | <u>1.598.491.154</u> | <u>13.217.640.311</u> | <u>96.384.788.988</u> |
| Số dư đầu năm nay | 80.000.000.000 | 3.167.148.677 | - | 24.053.155.672 | 107.220.304.349 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn | 11.999.880.000 | - | - | (12.000.000.000) | (120.000) |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 12.818.366.255 | 12.818.366.255 |
| Trích lập các quỹ | - | 805.598.195 | - | (805.598.195) | - |
| Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát | - | - | - | (258.000.000) | (258.000.000) |
| Giám khác | - | - | - | (195.995) | (195.995) |
| Số dư cuối kỳ này | <u>91.999.880.000</u> | <u>3.972.746.872</u> | <u>-</u> | <u>23.807.727.737</u> | <u>119.780.354.609</u> |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 16 tháng 4 năm 2015, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:15 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 15 cổ phiếu phát hành thêm). Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông ngày 30 tháng 6 năm 2015 để trả cổ tức bằng cổ phiếu. Trên cơ sở đó, Công ty mẹ đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 11.999.880.000 VND và chưa điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ.

20b. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 9.200.000 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 9.199.988 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.199.988 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.199.988 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.199.988 | 8.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20c. Phân phối lợi nhuận

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển là 805.598.195 VND và chia cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu cho các cổ đông với mức 15% mệnh giá cổ phiếu. Tổng số cổ tức phải trả theo danh sách cổ đông chốt ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 12.000.000.000 VND trong đó, bằng cổ phiếu là 1.199.988 CP tương đương 11.999.880.000 VND và bằng tiền (cho phần cổ phiếu lẻ) là 120.000 VND.

21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.642.380.022 | 2.641.711.350 |
| Điều chỉnh tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số do thay đổi tỷ lệ sở hữu | 195.995 | 63.800 |
| Số cuối kỳ | <u>2.642.576.017</u> | <u>2.641.775.150</u> |

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

22a. Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 199.136,32 | 199.136,32 |
| Kip Lào (LAK) | 2.413.920,00 | 2.413.920,00 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|-----------------------------|--|------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 40.795.010.251 | 37.522.044.568 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 846.264.748 | 3.004.855.091 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 129.015.549.326 | 146.767.645.829 |
| Cộng | <u>170.656.824.325</u> | <u>187.294.545.488</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---------------------------------|--|------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 29.810.212.350 | 63.464.158.670 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 368.403.736 | 2.859.256.377 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 104.381.901.450 | 96.717.995.062 |
| Cộng | <u>134.560.517.536</u> | <u>163.041.410.109</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 570.303.100 | 435.078.869 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 15.147.676 | 17.999.456 |
| Lãi tiền cho vay | 6.837.691 | 188.237.909 |
| Lãi bán cổ phiếu CMI | 102.576.855 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 163.512.350 | 114.999.824 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 28.070.221 |
| Chiết khấu thanh toán | - | 3.278.032 |
| Cộng | 858.377.672 | 800.372.879 |

4. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 1.275.014.757 | 2.615.792.930 |
| Lãi mua hàng trả chậm | - | 20.688.061 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 183.969.730 | 161.902.858 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 84.704.234 | - |
| Cộng | 1.543.688.721 | 2.798.383.849 |

5. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.321.757.279 | 4.326.506.188 |
| Các chi phí khác | 37.986.113 | - |
| Cộng | 8.359.743.392 | 4.326.506.188 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 4.148.673.217 | 3.550.503.061 |
| Chi phí vật liệu quản lý | - | 11.000.000 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 344.697.179 | 204.524.270 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.052.464.392 | 617.471.916 |
| Thuế, phí và lệ phí | 155.367.831 | 201.302.940 |
| Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi | 211.334.077 | 4.188.009.948 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.918.238.060 | 3.021.807.725 |
| Các chi phí khác | 48.251.857 | 66.612.513 |
| Cộng | 8.879.026.613 | 11.861.232.373 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu từ bán dầu | 5.598.955.536 | - |
| Thu từ phạt vi phạm hợp đồng | 3.586.043.850 | - |
| Thu từ bán vật liệu nổ | 796.208.499 | - |
| Thu tiền thí nghiệm công trình | 49.282.764 | 117.112.354 |
| Thu từ thanh lý phế liệu, vật tư | 722.001.818 | 7.000.000 |
| Thu từ dịch vụ khoan và nổ mìn | 536.594.635 | - |
| Thu tiền hỗ trợ thị trường | - | 366.250.000 |
| Thu phí bảo hiểm được hoàn | 525.023.921 | 206.878.144 |
| Thu khác | 231.155.626 | 348.310.197 |
| Cộng | 12.045.266.649 | 1.045.550.695 |

8. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 441.888.891 | - |
| <i>Trong đó: Thu từ thanh lý tài sản cố định</i> | <i>223.636.364</i> | <i>-</i> |
| <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i> | <i>665.525.255</i> | <i>-</i> |
| Chi phí mua dầu | 5.332.498.690 | - |
| Chi phí bán vật liệu nổ | 796.208.499 | - |
| Chi phí thí nghiệm công trình | 49.282.764 | 117.112.354 |
| Giá trị vật tư thanh lý | 2.624.835.885 | 59.594.444 |
| Chi phí dịch vụ khoan và nổ mìn | 415.076.813 | - |
| Các khoản tiền phạt | 2.006.626.192 | - |
| Chi phí tiền điện | - | 165.034.000 |
| Chi khác | 153.033.429 | 50.450.496 |
| Cộng | 11.819.451.163 | 392.191.294 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | |
|---|-------------|
| Giá mua ô tô Công ty mẹ mua của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | 560.000.000 |
| Giá trị còn lại của ô tô tại thời điểm bán | - |
| Khấu hao của ô tô mua trong kỳ | 25.454.546 |
| Chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 534.545.454 |
| Thuế suất thuế TNDN | 22% |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 117.600.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 12.818.366.255 | 5.275.843.669 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 12.818.366.255 | 5.275.843.669 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 9.199.988 | 7.699.988 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 1.393 | 685 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 8.000.000 | 5.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm | - | 1.500.000 |
| Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm | 1.199.988 | 1.199.988 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 9.199.988 | 7.699.988 |

10b. Thông tin khác

Năm 2015 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 812 VND xuống còn 685 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 11.999.980.000 | - |
| Cộng | 11.999.980.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền thu từ đi vay

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền thu từ đi vay ngân hàng theo kế ước thông thường | 36.253.378.177 | 58.186.286.811 |
| Tiền thu từ đi vay thông thường các tổ chức, cá nhân | 20.652.150.000 | 3.279.060.000 |
| Cộng | 56.905.528.177 | 61.465.346.811 |

3. Tiền trả nợ gốc vay

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền trả nợ gốc vay ngân hàng theo kế ước thông thường | 47.603.471.403 | 57.698.113.492 |
| Tiền trả nợ vay thông thường các tổ chức, cá nhân | 5.000.000.000 | 5.379.060.000 |
| Cộng | 52.603.471.403 | 63.077.173.492 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i> | | |
| Phụ cấp chi trả cho HĐQT | 126.000.000 | 143.838.710 |
| Cổ tức đã chi trả cho HĐQT | - | 1.555.771.650 |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương, phụ cấp | 1.006.081.216 | 1.187.007.412 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

| | <u>Khu vực trong nước</u> | <u>Khu vực nước ngoài</u> | <u>Cộng</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Kỳ này | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 123.508.186.432 | 47.148.637.893 | 170.656.824.325 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 123.508.186.432 | 47.148.637.893 | 170.656.824.325 |
| | | | |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 23.752.583.588 | 12.343.723.201 | 36.096.306.789 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (17.238.770.005) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 18.857.536.784 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 858.377.672 |
| Chi phí tài chính | | | (1.543.688.721) |
| Thu nhập khác | | | 12.045.266.649 |
| Chi phí khác | | | (11.819.451.163) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (5.697.274.966) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | 117.600.000 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 12.818.366.255 |
| | | | |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 3.940.774.691 | 1.504.371.202 | 5.445.145.893 |
| | | | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 2.822.742.717 | 1.077.568.039 | 3.900.310.756 |
| | | | |
| Kỳ trước | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 141.512.650.548 | 45.781.894.940 | 187.294.545.488 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 141.512.650.548 | 45.781.894.940 | 187.294.545.488 |
| | | | |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 17.198.528.163 | 7.054.607.216 | 24.253.135.379 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (16.187.738.561) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 8.065.396.818 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 800.372.879 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Khu vực trong nước | Khu vực nước ngoài | Cộng |
|---|----------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí tài chính | | | (2.798.383.849) |
| Thu nhập khác | | | 1.045.550.695 |
| Chi phí khác | | | (392.191.294) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (1.444.901.580) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | - |
| <i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i> | | | <u>5.275.843.669</u> |
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | <u>516.567.469</u> | <u>167.118.894</u> | <u>683.686.363</u> |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | <u>1.877.508.159</u> | <u>607.407.754</u> | <u>2.484.915.913</u> |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

| | Khu vực trong nước | Khu vực nước ngoài | Cộng |
|--|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>112.326.164.945</u> | <u>27.472.818.795</u> | 139.798.983.740 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | <u>15.855.526.957</u> | <u>6.052.768.814</u> | 21.908.295.771 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | <u>91.157.660.601</u> |
| <i>Tổng tài sản</i> | | | <u>252.864.940.112</u> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>10.447.407.551</u> | <u>13.414.133.118</u> | 23.861.540.669 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | <u>60.058.534.710</u> | <u>22.927.047.893</u> | 82.985.582.603 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | <u>23.712.486.214</u> |
| <i>Tổng nợ phải trả</i> | | | <u>130.559.609.486</u> |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | <u>121.218.637.285</u> | <u>19.003.855.289</u> | 140.222.492.574 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | <u>16.286.053.574</u> | <u>5.268.832.085</u> | 21.554.885.659 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | <u>103.642.681.134</u> |
| <i>Tổng tài sản</i> | | | <u>265.420.059.367</u> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | <u>26.411.804.872</u> | <u>13.146.677.108</u> | 39.558.481.980 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | <u>70.891.110.689</u> | <u>22.934.552.983</u> | 93.825.663.672 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | <u>22.173.229.344</u> |
| <i>Tổng nợ phải trả</i> | | | <u>155.557.374.996</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lĩnh vực xây lắp | 129.015.549.326 | 146.767.645.829 |
| Lĩnh vực cung cấp dịch vụ | 846.264.748 | 3.004.855.091 |
| Lĩnh vực thương mại | 40.795.010.251 | 37.522.044.568 |
| Cộng | 170.656.824.325 | 187.294.545.488 |

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh | Ghi chú |
|---|-------|--------------------------|-----------------|------------------------|---------|
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | | | | | |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | - | 2.755.350.000 | 2.755.350.000 | (i) |
| Đầu tư ngắn hạn | | 2.755.350.000 | (2.755.350.000) | - | (i) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | - | 3.528.554.420 | 3.528.554.420 | (i) |
| Đầu tư dài hạn | | 3.528.554.420 | (3.528.554.420) | - | (i) |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 30.703.297.638 | 2.935.498.071 | 33.638.795.709 | (ii) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 2.935.498.071 | (2.935.498.071) | - | (ii) |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | - | 949.264.490 | 949.264.490 | (ii) |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | 949.264.490 | (949.264.490) | - | (ii) |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (12.357.698.892) | (741.166.999) | (11.616.531.893) | (iii) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Mã số</u> | <u>Số liệu trước điều chỉnh</u> | <u>Các điều chỉnh</u> | <u>Số liệu sau điều chỉnh</u> | <u>Ghi chú</u> |
|-----------------------------------|--------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------------|----------------|
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | - | 741.166.999 | (741.166.999) | (iii) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 877.646.070 | 2.289.502.607 | 3.167.148.677 | (iv) |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 2.289.502.607 | (2.289.502.607) | - | (iv) |

(i) Trình bày lại khoản tiền gửi có kỳ hạn

(ii) Trình bày lại khoản tạm ứng và ký cược, ký quỹ

(iii) Trình bày lại khoản dự phòng phải thu khó đòi

(iv) Chuyển quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính. Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 34.781.216.960 | 55.032.397.239 |
| Chứng khoán kinh doanh | - | 236.923.145 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.071.517.596 | 6.283.904.420 |
| Phải thu khách hàng | 60.216.725.925 | 74.239.158.090 |
| Các khoản cho vay | 200.000.000 | 3.097.166.434 |
| Các khoản phải thu khác | 31.205.224.216 | 32.811.659.766 |
| Cộng | 131.474.684.697 | 171.701.209.094 |

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|------------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 34.781.216.960 | - | 34.781.216.960 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.071.517.596 | - | 5.071.517.596 |
| Phải thu khách hàng | 57.419.506.652 | 2.797.219.273 | 60.216.725.925 |
| Các khoản cho vay | 200.000.000 | - | 200.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 9.665.174.475 | 21.540.049.741 | 31.205.224.216 |
| Cộng | 107.137.415.683 | 24.337.269.014 | 131.474.684.697 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 55.032.397.239 | - | 55.032.397.239 |
| Chứng khoán kinh doanh | 236.923.145 | - | 236.923.145 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6.283.904.420 | - | 6.283.904.420 |
| Phải thu khách hàng | 71.491.938.817 | 2.747.219.273 | 74.239.158.090 |
| Các khoản cho vay | 3.097.166.434 | - | 3.097.166.434 |
| Các khoản phải thu khác | 11.271.610.025 | 21.540.049.741 | 32.811.659.766 |
| Cộng | 147.413.940.080 | 24.287.269.014 | 171.701.209.094 |

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 41.730.007.011 | 1.468.206.546 | - | 43.198.213.557 |
| Phải trả người bán | 19.727.261.662 | 13.964.650.239 | - | 33.691.911.901 |
| Các khoản phải trả khác | 10.873.604.696 | 12.621.600 | - | 10.886.226.296 |
| Cộng | 72.330.873.369 | 15.445.478.385 | - | 87.776.351.754 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 36.122.494.346 | 2.581.864.970 | - | 38.704.359.316 |
| Phải trả người bán | 34.300.937.147 | 8.402.335.864 | - | 42.703.273.011 |
| Các khoản phải trả khác | 13.749.064.946 | 125.121.600 | - | 13.874.186.546 |
| Cộng | 84.172.496.439 | 11.109.322.434 | - | 95.281.818.873 |

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 và ngày 30 tháng 06 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và LAK do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-------------------|-------------------------|---------------------|---------------------|
| | USD | LAK | USD | LAK |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 199.136,32 | 2.413.920,00 | 199.136,32 | 2.413.920,00 |
| Phải thu khách hàng | 663.677,58 | - | - | - |
| Vay và nợ | (358.786,00) | - | (548.453,00) | - |
| Phải trả người bán | (1.430,00) | (170.363.411,25) | - | - |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 502.597,90 | (167.949.491,25) | (349.316,68) | 2.413.920,00 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|---------------------|----------------------|---------------------|
| | VND | USD | VND | USD |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 24.033.356.750 | - | 26.726.203.853 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.071.517.596 | - | 6.283.904.420 | - |
| Vay và nợ | (39.076.870.135) | (358.786,00) | (26.968.562.022) | (548.453,00) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | (9.971.995.789) | (358.786,00) | 6.041.546.251 | (548.453,00) |

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ có giá trị nhỏ.

4d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy



Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân